

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 7**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 1: TÍNH CHẤT CỦA DẪY TỈ SỐ BẰNG NHAU**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Đọc SGK Toán 7 tập 1 phần đại số từ trang 28 đến trang 29 và ghi nhớ các kiến thức sau: I. <u>Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:</u> $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d} \quad (b \neq d \text{ và } b \neq -d)$ Từ dãy tỉ số bằng nhau $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f}$ ta suy ra $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f} = \frac{a+c+e}{b+d+f} = \frac{a-c+e}{b-d+f}$ (Giả thiết các tỉ số đều có nghĩa) Ví dụ: Từ dãy tỉ số $\frac{1}{3} = \frac{0,15}{0,45} = \frac{6}{18}$ Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau ta có: $\frac{1}{3} = \frac{0,15}{0,45} = \frac{6}{18} = \frac{1+0,15+6}{3+0,45+18} = \frac{7,15}{21,45}$?1 $\frac{2}{4} = \frac{3}{6} = \frac{2+3}{4+6} = \frac{2-3}{4-6}$?2 Gọi x, y, z là số HS của ba lớp 7A, 7B, 7C Vậy x, y, z tỉ lệ với 8; 9; 10 $\Rightarrow \frac{x}{8} = \frac{y}{9} = \frac{z}{10}$ II. <u>Chú ý:</u> Khi $\frac{a}{2} = \frac{b}{3} = \frac{c}{5}$ ta nói a, b, c tỉ lệ với 2; 3; 5 Hay ta viết a:b:c = 2:3:5 Bài 54 (trang 30 SGK) Hướng dẫn: Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: tử + tử ; mẫu + mẫu

Bài 56 (Trang 30 SGK)

* Hướng dẫn:

+Chiều rộng : x

+Chiều dài : y

+Tìm tỉ số 2 cạnh x, y là?

+Chu vi là gì ?

+Sử dụng tính chất =>tính

+Tính diện tích?

Hoạt động 2:
Kiểm tra đánh
giá quá trình tự
học

Bài 54 (trang 30 SGK) Tìm hai số x và y, biết $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x+y=16$

Bài 56 (Trang 30 SGK)

Hoạt động 3:

Học sinh cần nhớ
kiến thức

- Nắm vững tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

- Làm Bài tập 55 trang 30 SGK

(Hướng dẫn: Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: tử - tử ; mẫu - mẫu)

- Làm Bài tập 57 trang 30 SGK

(Hướng dẫn:Gọi x,y,z là số bi của ba bạn Minh, Hùng, Dũng.

Dãy tỉ số bằng nhau, tổng số bi của ba bạn.)

- Chuẩn bị: Kiểm tra thường xuyên-Luyện tập

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 7**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 2: KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN VÀ LUYỆN TẬP TÍNH CHẤT CỦA DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: -Làm kiểm tra thường xuyên. - Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Đọc SGK Toán 7 tập 1 phần đại số từ trang 28 đến trang 29 và ghi nhớ các kiến thức sau: <u>Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:</u> $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d} \quad (b \neq d \text{ và } b \neq -d)$ Từ dãy tỉ số bằng nhau $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f}$ ta suy ra $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f} = \frac{a+c+e}{b+d+f} = \frac{a-c+e}{b-d+f}$ (Giả thiết các tỉ số đều có nghĩa) Bài 61 (Trang 31 SGK) Hướng dẫn: $\frac{y}{4} = \frac{z}{5} \Rightarrow \frac{y}{12} = \frac{z}{15}$ $\frac{x}{2} = \frac{y}{3} \Rightarrow \frac{x}{8} = \frac{y}{12}$ $\Rightarrow \frac{x}{8} = \frac{y}{12} = \frac{z}{15} = \dots$
Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học	Học sinh dựa vào các công thức đã học để giải các tập sau: Bài 61 (Trang 31 SGK) Tìm ba số x, y, z, biết rằng : $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}, \frac{y}{4} = \frac{z}{5} \text{ và } x+y-z=10$
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	Học sinh cần: - Ôn lại các dạng bài tập đã làm - Làm bài tập 62 trang 31 SGK Hướng dẫn: Đặt

	$\frac{x}{2} = \frac{y}{5} = k$ $\Rightarrow x = 2k; y = 5k$ Thay vào x. y = 10 rồi tìm k Sau đó mới tính x và y - Chuẩn bị: Số thập phân hữu hạn. STP vô hạn tuần hoàn.
--	---

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

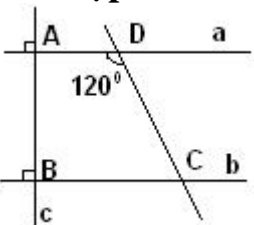
Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 7**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 3: LUYỆN TẬP TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Học sinh đọc SGK toán 7 tập 1 từ trang 96 đến trang 97 và cần lưu ý các kiến thức sau: 1) Tính chất 1: Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. 2) Tính chất 2 : Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia. 3) Tính chất 3 : Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. Làm Bài tập 42 trang 98 SGK Hướng dẫn: -vẽ hình theo yêu cầu. - Chọn tính chất diễn tả hình vẽ đó. Làm Bài tập 46 trang 98 SGK Hướng dẫn: -Vì sao $a \parallel b$ - Góc D và góc C trong hình ở vị trí gì?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh dựa vào nội dung kiến thức đã được học để hoàn thành bài tập sau: Bài tập 42 trang 98 SGK Bài tập 46 trang 98 SGK 
Hoạt động 3: Học sinh	❖ Xem lại các bài tập đã giải ❖ Bài tập : 43; 44 trang 98 SGK Hướng dẫn: -vẽ hình theo yêu cầu. - Chọn tính chất diễn tả hình vẽ đó.

cần nhớ các kiến thức	❖ Chuẩn bị :bài ĐỊNH LÝ
-----------------------------	-------------------------

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

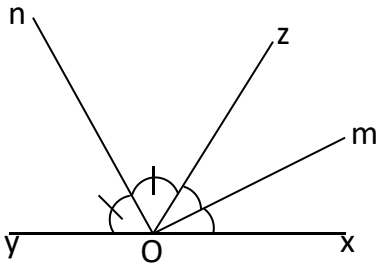
Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 7**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 4: ĐỊNH LÍ**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG				
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Học sinh đọc SGK toán 7 tập 1 từ trang 99 đến trang 101 và cần lưu ý các kiến thức sau: 1) Định lí: Định lí là một khẳng định suy ra từ những khẳng định được coi là đúng. ?1 Định lí 1: Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. Định lí 2: Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia. Định lí 3 : Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. *Chú ý: Khi định lí được phát biểu dưới dạng “Nếu...thì...”, phần nằm giữa từ “Nếu” và từ “thì” là phần giả thiết, phần sau từ “thì” là phần kết luận. “Giả thiết” và “Kết luận” được viết tắt tương ứng là GT và KL ?2 a) - GT: Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba. - KL: Chúng song song với nhau. b) $\begin{array}{l} \text{a} \\ \text{b} \\ \text{c} \end{array}$ <table> <tr> <td>GT</td> <td>a//c; b//c</td> </tr> <tr> <td>KL</td> <td>a//b</td> </tr> </table> 2) Chứng minh định lí: Chứng minh định lí là dùng lập luận để từ GT suy ra KL	GT	a//c; b//c	KL	a//b
GT	a//c; b//c				
KL	a//b				

	<u>VD</u>: CM định lí: Góc tạo bởi 2 tia phân giác của 2 góc kề bù là một góc vuông. Giải: <table> <tr> <td>GT</td><td> $\widehat{xOz}$ và $\widehat{zOy}$ kề bù. Om: tia phân giác $\widehat{xOz}$ On: tia phân giác $\widehat{zOy}$ </td></tr> <tr> <td>KL</td><td>$m\widehat{On} = 90^\circ$</td></tr> </table>  Ta có: $m\widehat{Oz} = \frac{1}{2} \widehat{xOz}$ (Om: tia phân giác của $\widehat{xOz}$) (1) $m\widehat{Oz} = \frac{1}{2} \widehat{zOy}$ (On: tia phân giác của $\widehat{zOy}$) (2) Từ (1) và (2) $\Rightarrow m\widehat{Oz} + m\widehat{Oz} = \frac{1}{2} (\widehat{xOz} + \widehat{zOy})$ (3) Vì Oz nằm giữa 2 tia Om, On và vì $\widehat{xOz}$ và $\widehat{zOy}$ kề bù Nên: $m\widehat{On} = \frac{1}{2} \cdot 180^\circ = 90^\circ$	GT	$\widehat{xOz}$ và $\widehat{zOy}$ kề bù. Om: tia phân giác $\widehat{xOz}$ On: tia phân giác $\widehat{zOy}$	KL	$m\widehat{On} = 90^\circ$
GT	$\widehat{xOz}$ và $\widehat{zOy}$ kề bù. Om: tia phân giác $\widehat{xOz}$ On: tia phân giác $\widehat{zOy}$				
KL	$m\widehat{On} = 90^\circ$				
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh dựa vào nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở trên để hoàn thành hai bài tập sau: Bài 49, 50 SGK trang 101				
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến	- Biết được Định lí - Biết cách chứng minh định lí. - Chuẩn bị Luyện tập trang 101; 102				

thức	
------	--

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt